

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/VCY/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH VƯƠNG CHÂU YẾN

Địa chỉ: 113 A Phan Đát Đức, Phường Long Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0986980278

Fax:

Email: vuongchauyen544@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0317305466

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TỔ YẾN TINH CHẾ

2. Thành phần: Tổ yến tinh chế nguyên chất 100%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 ngày (trong điều kiện bảo quản ở ngăn mát với nhiệt độ từ 2⁰C đến 5⁰C); 03 tháng (trong điều kiện bảo quản ở ngăn đông với nhiệt độ âm 18⁰C).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đựng trong hộp nhựa PE, hộp nhựa PA hoặc hộp nhựa PP. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh: 250gr/hộp (tương đương khoảng 50gr yến tinh chế khô), 500gr/hộp (tương đương khoảng 100gr yến tinh chế khô) hoặc theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHÚ THÀNH

Địa chỉ: 233/30 Nguyễn Duy Cung, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Nhà máy sản xuất Yến sào Nestgia: 520/5 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

TỔ YẾN TINH CHẾ (Yến tươi)

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH VƯƠNG CHÂU YẾN

Địa chỉ: 113A Phan Đát Đức, Phường Long Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty TNHH Dược Phú Thành – Nhà máy sản xuất Yến sào Nestgia

Địa chỉ: 520/5 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phần: Tổ yến tinh chế nguyên chất 100%.

Hướng dẫn sử dụng: Cho vào thố chung lượng yến sào vừa ăn, thêm nước vừa đủ, có thể cho thêm các nguyên liệu khác (Đường phèn, Hạt chia, Táo đỏ, Đông Trùng Hạ Thảo...). Chung cách thủy ở nhiệt độ khoảng 75°C trong vòng 30 phút (lửa nhỏ). Ăn yến sào khi còn ấm, nếu dư có thể cất tủ lạnh để dùng tiếp.

Bảo quản: Ngăn lạnh hoặc ngăn đông tủ lạnh.

Thông tin cảnh báo an toàn: Không dùng sản phẩm đã hết hạn sử dụng.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng: 10 ngày (trong điều kiện bảo quản ở ngăn mát với nhiệt độ từ 2°C đến 5°C); 03 tháng (trong điều kiện bảo quản ở ngăn đông với nhiệt độ âm 18°C)

Khối lượng tịnh: 250gr/hộp (tương đương khoảng 50gr yến tinh chế khô), 500gr/hộp (tương đương khoảng 100gr yến tinh chế khô) hoặc theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm

Số TCB: 03/VCY/2026

Xuất xứ: Việt Nam.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định 13/2020/NĐ-CP về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (Phụ lục VII chỉ tiêu chất lượng tổ yến sơ chế).

Cụ thể như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức yêu cầu
1	Màu sắc tổ yến	Trắng, trắng ngà
2	Mùi vị	Có mùi vị đặc trưng, không có mùi lạ
3	Tạp chất	Không phát hiện khi kiểm tra bằng kính hiển vi phóng đại 5 – 10 lần
4	Protein	$\geq 40\%$
5	Acid Amin	46 – 50%
6	Sialic Acid	$\geq 5\%$
7	Nitrite	≤ 30 mg/kg
8	Salmonella	Không phát hiện trong 25g
9	H5N1	Không phát hiện
10	Chì (Pb)	< 2 mg/kg
11	Thạch tín (As)	< 1 mg/kg
12	Thủy ngân (Hg)	$< 0,05$ mg/kg
13	Cadmium (Cd)	< 1 mg/kg
14	Antimony (Sb)	< 1 mg/kg
15	Hydrogen peroxide	< 1 mg/kg
16	Chất tẩy trắng	Không có

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Đình Danh



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH VƯƠNG CHÂU YẾN

113 A Phan Đát Đức, Phường Long Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : LX2R2606180709-C3

Mã số mẫu : 743-2026-00156539

Mã số Eol : 005-32410-813670

Tên mẫu / Tên sản phẩm : Tổ yến tinh chế

Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi zip

Ngày nhận mẫu : 18/06/2026

Thời gian kiểm nghiệm : 19/06/2026 - 26/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 26/06/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
2	VD263 VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	60.9	≥ 40
3	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)	< 1
4	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)	< 2
5	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)	< 1
6	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.021	< 0.05
7	VD888 VD (a) Antimon (Sb)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.02)	< 1
8	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	Màu trắng ngà đặc trưng của sản phẩm.	-
9	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.	-
10	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	(1)	-
11	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	Vị đặc trưng của sản phẩm.	-
12	VDL34 VD (a) Cystine/Cysteine (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	2.024	-
13	VDL34 VD (a) Methionine (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	0.266	-



AR-26-VD-161302-01 / EUVNHC-00440398 - 01- Trang : 2 / 4

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00156539

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
14	VDAK2 VD (a) 4-hydroxyproline	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	Không phát hiện (LOD=0.02)	-
15	VDAK2 VD (a) Acid aspartic (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	4.577	-
16	VDAK2 VD (a) Acid glutamic (tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.879	-
17	VDAK2 VD (a) Alanin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.490	-
18	VDAK2 VD (a) Amino acid (tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	49.56	46 - 50
19	VDAK2 VD (a) Arginine (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.261	-
20	VDAK2 VD (a) Glycin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.959	-
21	VDAK2 VD (a) Histidin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	2.102	-
22	VDAK2 VD (a) Isoleucin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.899	-
23	VDAK2 VD (a) Leucin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.567	-
24	VDAK2 VD (a) Lysin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.992	-
25	VDAK2 VD (a) Phenylalanin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.218	-
26	VDAK2 VD (a) Prolin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.935	-
27	VDAK2 VD (a) Serin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	4.017	-
28	VDAK2 VD (a) Threonin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.518	-



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00156539

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
29	VDK2 VD (a) Tyrosin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.117	-
30	VDK2 VD (a) Valin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	4.080	-
31	VDWV6 VD (a) Chất tẩy trắng (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)	Không có
32	VDAV2 VD Tạp chất trong yến	/Mẫu	EVN-R-RD-3-TP-24250 (Tham khảo Microbiology - 1st Ed. 2016 (OpenStax) - Chapter 2)	Không phát hiện	Không phát hiện
33	VDWS6 VD (a) Sialic acid	%	EVN-R-RD-1-TP-23918 (Tham khảo Biomedical Chromatography, 2010, 24: 1208-1212)	10.8	≥ 5
34	VDWT6 VD (a) Tryptophan	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP23361 (Tham khảo AOAC 988.15)	0.664	-

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với Nghị định 13/2020/NĐ-CP, Phụ lục VII.

(1) Yến sợi ép thành tổ, kích thước tương đối đồng đều, khô, giòn.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- : Không áp dụng giá trị so sánh đối với chỉ tiêu này.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 30/06/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 30/06/2026.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH VƯƠNG CHÂU YẾN

113 A Phan Đát Đức, Phường Long Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : LX2R2606180709-C3

Mã số mẫu : 743-2026-00156540

Mã số Eol :

005-32410-813671

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

Tổ yến tinh chế

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong túi zip

Ngày nhận mẫu :

18/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/07/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

22/06/2026 - 08/07/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD5PV EXT	Hydrogen peroxide (H2O2)	mg/ kg	SOP.01-490:2023 (Ref. USP Monograph)	Không phát hiện (LOD=0.2)	< 1
2	VD5PU EXT	Nitrit	mg/ kg	TCVN 6268-1:2007	6.28	≤ 30
3	VDLI4 EXT	Phát hiện vi rút H5N1		Phương pháp Realtime RT-PCR, theo CD2-QT/TR3-02	Không phát hiện	Không phát hiện

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với Nghị định 13/2020/NĐ-CP, Phụ lục VII.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 13/07/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 13/07/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm và việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.